

Số/No.: 3007/2026/BC- SAVINA

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2026
Hanoi, July 30, 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
COMPANY MANAGEMENT REPORT

(6 tháng/năm 2026)
(6 months/Year of 2026)

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*State Securities Commission of Vietnam*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội/*Hanoi Stock Exchange*

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM**
Company name: VIET NAM BOOKS JOINT STOCK COMPANY
- Địa chỉ trụ sở chính: **Số 44 phố Tràng Tiền, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.**
Headquarters address: 44 Trang Tien Street, Hoan Kiem Ward, Hanoi.
- Điện thoại/Tel.: (84 24) 38257857 Fax: (84 24) 39 341591
- Website: <http://savina.com.vn>
- Vốn điều lệ: **679.099.600.000 đồng** (Bằng chữ: *Sáu trăm bảy chín tỷ, chín chín triệu, sáu trăm nghìn đồng*).
Charter capital: VND 679,099,600,000 (In words: Six hundred seventy-nine billion, ninety-nine million, six hundred thousand dong).
- Mã chứng khoán: VNB
Stock code: VNB
- Mô hình quản trị Công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc
Corporate governance model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors and General Director
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện
Regarding the implementation of the internal audit function: Not yet implemented

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") (bao gồm cả các Nghị quyết của **ĐHĐCĐ** được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).

*Information on the meetings and Resolutions/Decisions of the General Meeting of Shareholders ("**GMS**") (including **GMS** Resolutions passed in the form of written consultation).*

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
01	01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-SAVINA	27/05/2026	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 <i>Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i>

II. Hội đồng quản trị (6 tháng đầu năm 2026)

Board of Directors (First 6 months of 2026)

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”):

Information on members of the Board of Directors (“BOD”):

ST T No.	Thành viên HĐQT <i>BOD Member</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT <i>Date of commencement/cessation of BOD membership</i>	
			Ngày bổ nhiệm ¹ <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1	Ông Lê Thăng Long <i>Mr. Le Thang Long</i>	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the BOD</i>	27/5/2026	
2	Ông Nguyễn Trọng Tuấn <i>Mr. Nguyen Trong Tuan</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the BOD</i>	27/5/2026	
3	Bà Trần Thanh Mai <i>Ms. Tran Thanh Mai</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the BOD</i>	27/5/2026	
4	Ông Vũ Quyết Thắng <i>Mr. Vu Quyet Thang</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the BOD</i>	27/5/2026	
5	Ông Trần Lê Phương <i>Mr. Tran Le Phuong</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the BOD</i>	27/5/2026	

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị (bao gồm cả việc lấy ý kiến bằng văn bản)

Board of Directors meetings (including written consultation)

¹ Theo nhiệm kỳ 2026 – 2031 của Hội đồng quản trị được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 bầu ra/ *In accordance with the 2026–2031 term of the Board of Directors elected by the 2026 Annual General Meeting of Shareholders*

STT No.	Thành viên HĐQT <i>BOD Member</i>	Số buổi họp HĐQT <i>Number of BOD meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự <i>Reason for non- attendance</i>
1.	Ông Lê Thăng Long <i>Mr. Le Thang Long</i>	06	100%	
2.	Ông Nguyễn Trọng Tuấn <i>Mr. Nguyen Trong Tuan</i>	06	100%	
3.	Bà Trần Thanh Mai <i>Ms. Tran Thanh Mai</i>	06	100%	
4.	Ông Vũ Quyết Thắng <i>Mr. Vu Quyet Thang</i>	06	100%	
5.	Ông Trần Lê Phương <i>Mr. Tran Le Phuong</i>	06	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc (6 tháng đầu năm 2026):

Supervisory activities of the BOD towards the Management Board (First 6 months of 2026):

Thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty, các Quy định, Quy chế quản lý nội bộ và Pháp luật hiện hành, HĐQT đã có những hoạt động giám sát đối với Ban Giám đốc trong các hoạt động sau:

In accordance with the provisions of the Charter, the Corporate Governance Regulations, internal management regulations and resolutions, and the current Law, the BOD has carried out supervisory activities over the Management Board in the following activities:

- Giám sát công tác lập Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính các quý, Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính năm theo quy định;
Supervising the preparation of the Annual Report, quarterly Financial Statements, semi-annual Financial Statements, and annual Financial Statements as regulated;
- Giám sát, chỉ đạo việc công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, kịp thời, chính xác theo đúng quy định;
Supervising and directing information disclosure with the aim of ensuring transparency, timeliness, and accuracy in accordance with regulations;
- Giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Ban Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra;
Supervising the management and executive activities of the Management Board to enhance business efficiency and achieve the set plan targets;
- Giám sát thực hiện các Nghị quyết của HĐQT/ĐHĐCĐ.
Supervising the implementation of the Resolutions of the BOD/GMS.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT.

Activities of the sub-committees of the BOD:

Hội đồng quản trị không lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT.

The Board of Directors has not established any sub-committees under the BOD.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT (6 tháng đầu năm 2026)

Resolutions/Decisions of the BOD (First 6 months of 2026)

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày văn bản <i>Document Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
1	01/2026/NQ-HĐQT- SAVINA	20/03/2026	Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 <i>Extending the Time for Holding the 2026 Annual GMS</i>
2	02/2026/NQ-HĐQT- SAVINA	20/03/2026	Phê duyệt, thông qua chủ trương Công ty ký kết và thực hiện Hợp đồng/Giao dịch với Công ty cổ phần VinSchool trong năm 2026 <i>Approve the policy for the Company to sign and perform Contracts/Transactions with VinSchool Joint Stock Company in 2026</i>
3	03/2026/NQ-HĐQT- SAVINA	03/04/2026	Chốt danh sách người sở hữu chứng khoán để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 <i>Finalize the list of securities holders to exercise the right to attend the 2026 Annual GMS</i>
4	04/2026/NQ-HĐQT- SAVINA	06/5/2026	Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 và phê duyệt chương trình, tài liệu họp <i>Organize the 2026 Annual GMS and approve the meeting agenda and documents</i>
5	05/2026/NQ-HĐQT- SAVINA	27/5/2026	Bầu Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2026-2031 <i>Election of the Chairman of the Board of Directors for the term 2026-2031</i>
6	06/2026/NQ-HĐQT- SAVINA	03/07/2026	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc nhiệm kỳ 2026- 2031 <i>Appointment of Deputy General Director for the 2026–2031 term</i>

III. Ban Kiểm soát (6 tháng đầu năm 2026)/Supervisory Board (First 6 months of 2026)

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

Information on members of the Supervisory Board (SB)

STT No.	Thành viên BKS <i>SB Member</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS <i>The date becoming/ceasing to be the member</i>	Trình độ chuyên môn <i>Professional Qualification</i>

			<i>of the Board of Supervisors</i>	
1	Bà Nguyễn Hồng Mai <i>Ms. Nguyen Hong Mai</i>	Trưởng Ban Kiểm soát <i>Head of the Supervisory Board</i>	18/6/2021 và bầu nhiệm kỳ mới vào ngày 27/05/2026 18/06/2021 <i>and elect the new term on 27/05/2026</i>	Thạc sĩ Tài chính doanh nghiệp và giám sát quản lý. <i>Master of Corporate Finance and Management Supervision.</i> Cử nhân Tài chính kế toán <i>Bachelor of Finance and Accounting.</i> Chứng chỉ Kiểm toán viên Việt Nam <i>Vietnam Certified Public Accountant Certificate</i>
2	Bà Văn Thị Hải Hà <i>Ms. Van Thi Hai Ha</i>	Thành viên <i>Member</i>	27/5/2026	Cử nhân chuyên ngành Kế toán <i>Bachelor's degree in Accounting</i>
3	Ông Nguyễn Mạnh Kiên <i>Mr. Nguyen Manh Kien</i>	Thành viên <i>Member</i>	27/5/2026	Thạc sỹ Tài chính doanh nghiệp <i>Master's degree in Corporate Finance</i>
4	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy <i>Ms. Nguyen Thi Thu Thuy</i>	Thành viên <i>Member</i>	18/6/2021 Miễn nhiệm 27/5/2026 (do hết nhiệm kỳ) <i>Dismissal 27/5/2026 (Expiration of the term of office)</i>	Cử nhân ngành kiểm toán <i>Bachelor of Auditing</i>
5	Bà Nguyễn Thị Lan Anh <i>Ms. Nguyen Thi Lan Anh</i>	Thành viên <i>Member</i>	18/6/2021 Miễn nhiệm 27/5/2026 (do hết nhiệm kỳ) <i>Dismissal 27/5/2026 (Expiration of the term of office)</i>	Thạc sỹ ngôn ngữ <i>Master of Linguistics</i>

2. Cuộc họp của BKS

Meetings of the SB

STT <i>No.</i>	Thành viên BKS <i>SB Member</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự <i>Reason for non- attendance</i>
1.	Bà Nguyễn Hồng Mai <i>Ms. Nguyen Hong Mai</i>	01	100%	100%	
2	Bà Văn Thị Hải Hà <i>Ms. Van Thi Hai Ha</i>	01	100%	100%	
3	Ông Nguyễn Mạnh Kiên <i>Mr. Nguyen Manh Kien</i>	01	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

Supervisory activities of the SB towards the BOD, the Executive Management Board, and shareholders:

Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình, BKS đã triển khai thực hiện các công việc sau:

Within the scope of the functions and duties, the SB has implemented the following tasks:

- (i) Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT;
Supervising the implementation of the resolutions of the GMS/BOD;
- (ii) Giám sát và đưa ra ý kiến về việc thực hiện các mục tiêu về hoạt động kinh doanh nhằm đạt được kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận của Công ty 6 tháng đầu năm 2026 đã đề ra;
Supervising and providing opinions on the implementation of business activity objectives to achieve the revenue and profit plans set out for the first 6 months of 2026;
- (iii) Thẩm tra Báo cáo tài chính Quý I năm 2026 để đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam;
Auditing the first Quarter of 2026 Financial Statements to assess the fairness and reasonableness of the financial data, in compliance with the current accounting standards, regimes, and financial policies of Vietnam;
- (iv) Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.
Controlling the compliance with the regulations on information disclosure of the Company in accordance with the provisions of the law.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý 6 tháng đầu năm 2026.

Coordination of activities between the SB and the activities of the BOD, the General Executive Management Board, and other managers in the First 6 months of 2026.

Nhờ việc thực hiện nghiêm túc quy chế quản trị Công ty, quy chế quản lý nội bộ, HĐQT đã chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành, giám sát việc kiện toàn bộ máy quản trị song song với đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, đảm bảo hiệu quả, an toàn, đồng thời vẫn bám sát được các nghị quyết đã được ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua.

Thanks to the strict implementation of the corporate governance regulations and internal management regulations, the BOD has been proactive in directing, operating, and supervising the consolidation of the governance apparatus in parallel with promoting business activities, ensuring efficiency and safety, while still closely following the resolutions approved by the GMS/BOD.

Ban Giám đốc cũng đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các hoạt động kinh doanh, đồng thời thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ, hạn chế được nhiều rủi ro và sai phạm.

The Management Board made great efforts in organizing the implementation of the Resolutions of the GMS, the BOD, and business activities, while at the same time performing well in internal governance, limiting many risks and violations.

5. Hoạt động khác của BKS: không có

Other activities of the SB: none

IV. Ban Điều hành

Management Board

STT No.	Thành viên Ban Điều hành <i>Member of the Management Board</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Professional Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1.	Ông Trần Lê Phương - Tổng Giám đốc <i>Mr. Tran Le Phuong - General Director</i>	04/01/1969	Thạc sỹ quản lý kinh tế <i>Master of Economic Management</i>	14/07/2023	
2.	Ông Nguyễn Trọng Tuấn – Phó Tổng Giám đốc <i>Mr. Nguyen Trong Tuan – Deputy General Director</i>	09/11/1960	Thạc sỹ quản lý Kinh tế <i>Master of Economic Management</i>	18/06/2021 và được bầu nhiệm kỳ 2026 -2031 vào ngày 03/07/2026 <i>18/06/2021 and elected for the 2026–2031 term on 03/07/2026</i>	

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

Họ và tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Professional Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>
Đặng Xuân Ánh <i>Dang Xuan Anh</i>	05/09/1979	Cử nhân Kinh tế <i>Bachelor of Economics</i>	22/4/2016

VI. Đào tạo về quản trị Công ty:

Training on Corporate Governance:

Công tác đào tạo nói chung và đào tạo về quản trị doanh nghiệp nói riêng luôn được Ban Lãnh đạo Công ty quan tâm, chú trọng và triển khai đến các Phòng Ban/Bộ phận thông qua việc tổ chức các cuộc hội thảo, đào tạo nội bộ về quản trị công ty đại chúng, quản trị doanh nghiệp nói chung; tham gia góp ý sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật nêu trên.

Training in general and training on corporate governance in particular are always of interest, focus and implementation by Management Board of the Company to Departments/Divisions through organizing seminars and internal training on public company governance. General corporate governance; participating in contributing to the amendment and supplementation of certain articles of the Enterprise Law, the Securities Law, and guiding documents for the implementation of the aforementioned Laws.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (6 tháng đầu năm 2026) và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty:

List of related persons of the public company (First 6 months of 2026) and transactions of the Company's related persons with the Company itself:

1. Danh sách về người có liên quan của Công ty: Phụ lục 1 đính kèm.

List of related persons of the Company: Appendix 1 attached.

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

ST T No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH NSH No.	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty/ <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết của HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by BOD</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>
1	Công ty cổ phần VinSchool/ <i>VinSchool JSC</i>	Bên liên quan của Công ty mẹ/ <i>Related party of the</i>	0106156871	Số 7 đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, phường Phúc	6 tháng năm 2026 <i>6 months of 2026</i>	Nghị quyết số 02/2026/NQ -HĐQT- SAVINA	Doanh thu bán sách: 86.093.321 VND <i>Book sales revenue</i>

		<i>Parent Company</i>		Lợi, Hà Nội/No. 7, Bang Lang 1 Street, Vinhomes Riverside Urban Area, Phuc Loi Ward, Hanoi		ngày 20/03/2026 Resolutions No.: 02/2026/NQ -HĐQT- SAVINA date 20/03/2026	86,093,321 VND
--	--	-----------------------	--	--	--	---	-------------------

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

Transactions between company insiders, related persons of insiders and subsidiaries, companies controlled by the company: None

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

Transactions between the company and other parties

4.1. Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc đã và đang là thành viên hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian 3 năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có

Transactions between the Company and companies where members of the BOD, members of the SB, the General Director have been and are members or members of the BOD, the Executive General Director within the last 3 years (as of the reporting date): None

4.2. Giao dịch giữa Công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: Không có

Transactions between the Company and companies where related persons of members of the BOD, members of the SB, the Executive General Director are members of the BOD, the Executive General Director: None

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành: Không có

Other transactions of the company (if any) that may bring material or non-material benefits to members of the BOD, members of the SB, the Executive General Director: None

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (6 tháng đầu năm 2026).

Share transactions of insiders and related persons of insiders (First 6 months of 2026).

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ: Phụ lục 2 đính kèm.

List of insiders and related persons of insiders: Appendix 2 attached.

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: Không phát sinh

Transactions of insiders and related persons with respect to the company's shares: None

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có
Other matters to note: None.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS



LÊ THĂNG LONG

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH NGƯỜI CÒ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM
APPENDIX 1 – LIST OF RELATED PERSONS OF VIETNAM BOOK JOINT STOCK COMPANY
(Đính kèm Báo cáo quản trị 6 tháng đầu năm 2026)
Attached is the Management Report for the first six months of 2026

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản pho điện chương khóa (tên cổ) Securities trading account (current)	Chức vụ tại công ty (tên cổ) Position at the company (if any)	Loại Giấy CNSH Type of Identification Document	Số Giấy CNSH Identification Document Number	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Head office address/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Date of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan Date of no longer being a related person	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với Công ty/ Relationship with the Company
1. DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ/LIST OF INSIDERS												
1	LÊ THĂNG LONG/ LÊ THANG LONG		Chủ tịch HĐQT/The Chairman of the Board of Directors	CCCD/Citizen ID					2021			
2	NGUYỄN THÔNG TUẤN/NGUYEN TRONG TUAN		Thành viên HĐQT/Member of the BOD kiêm Phó Tổng Giám đốc/Member of the Board of Directors cum Deputy General Director	CCCD/Citizen ID					2021			
3	VŨ QUYẾT THANG/VU QUYET THANG		Thành viên HĐQT/Member of the BOD	CCCD/Citizen ID					2021			
4	TRẦN THANH MAI/TRAN THANH MAI		Thành viên HĐQT/Member of the BOD	CCCD/Citizen ID					2021			
5	TRẦN LÊ PHƯƠNG/TRAN LÊ PHUONG		Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc/Member of the BOD cum General Director	CCCD/Citizen ID					2023			
6	NGUYỄN HỒNG MAI/NGUYEN HONG MAI		Trưởng Ban Kiểm soát/Head of the Supervisory Board	CCCD/Citizen ID					2021			
7	VÂN THỊ HẢI HÀ/VAN THỊ HAI HA		Thành viên BKS/Member of the Supervisory Board	CCCD/Citizen ID					27/05/2026		Bầu BKS nhiệm kỳ 2026 - 2031 Election of the Supervisory Board for the term 2026 -	
8	NGUYỄN MẠNH KIẾN/NGUYEN MANH KIEN		Thành viên BKS/Member of the Supervisory Board	CCCD/Citizen ID					27/05/2026		Bầu BKS nhiệm kỳ 2026 - 2031 Election of the Supervisory Board for the term 2026 -	

STT No.	Tên tổ chức cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (current)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Loại Giấy CNSH Identification Document	Số Giấy CNSH Identification Document Number	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Head office address/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Date of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan Date of no longer being a related person	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với Công ty/ Relationship with the Company
9	NGUYỄN THỊ THU THUY/NGUYỄN THỊ THU THUY		Thành viên BKS/Member of the Supervisory Board	CCCD/Citizen ID		2021	27/05/2026	Hết nhiệm kỳ End of term				
10	NGUYỄN THỊ LAN ANH/NGUYỄN THỊ LAN ANH		Thành viên BKS/Member of the Supervisory Board	CCCD/Citizen ID		2021	27/05/2026	Hết nhiệm kỳ End of term				
11	ĐẶNG XUÂN ANH/ĐẶNG XUÂN ANH		Kế toán trưởng/Chief Accountant	CCCD/Citizen ID		2016						
12	PHẠM THỊ LÃ/PHẠM THỊ LÃ		Người phụ trách quản trị/Person in charge of administration	CCCD/Citizen ID		2021						
II DANH SÁCH CÔNG TY MẸ, NGƯỜI QUẢN LÝ, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LƯUẬT CỦA CÔNG TY MẸ/LIST OF PARENT COMPANIES, MANAGERS, AND LEGAL REPRESENTATIVES OF THE PARENT COMPANY												
1	TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP/VINGROUP JOINT STOCK COMPANY			Giấy CN BKDN/Business Registration Certificate		2016						Công ty mẹ/Parent company
2	Phạm Nhật Vương/Phạm Nhật Vương			CCCD/Citizen ID								Chủ tịch HĐQT Vingroup/The Chairman of the Board of Directors Vingroup
3	Phạm Thuý Hằng/Phạm Thuý Hằng			CCCD/Citizen ID								Phó Chủ tịch HĐQT Vingroup/The Chairman of the Board of Directors Vingroup
4	Phạm Thu Hương/Phạm Thu Hương			CCCD/Citizen ID								Phó Chủ tịch HĐQT Vingroup/The Chairman of the Board of Directors Vingroup
5	Nguyễn Diệu Linh/Nguyễn Diệu Linh			CCCD/Citizen ID								Phó Chủ tịch HĐQT Vingroup/The Chairman of the Board of Directors Vingroup
6	Nguyễn Việt Quang/Nguyễn Việt Quang			CCCD/Citizen ID								Phó Chủ tịch HĐQT Vingroup/The Chairman of the Board of Directors Vingroup
7	Chin Michael Jaewik			Hộ chiếu/Passport								Phó Chủ tịch HĐQT Vingroup/The Chairman of the Board of Directors Vingroup
8	Adil Ahmad			Hộ chiếu/Passport								TV HĐQT độc lập Vingroup/Independent Member Vingroup
9	Romulo Dy - Linco Ibasco			Hộ chiếu/Passport								TV HĐQT độc lập Vingroup/Independent Member Vingroup

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng lưu (nếu có) Securities trading account (current)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Loại Giấy CNSH Type of Identification Document	Số Giấy CNSH Identification Document Number	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Head office address/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Date of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan Date of no longer being a related person	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với Công ty/ Relationship with the Company
10	Mai Hương Nụ/Mai Hương Nụ			CCCD/Citizen ID								Phó TGĐ Vingroup /Deputy CEO Vingroup
11	Dương Thị Hoàn/Dương Thị Hoàn			CCCD/Citizen ID								Phó TGĐ Vingroup /Deputy CEO Vingroup
12	Nguyễn Thị Thu Hiền/Nguyễn Thị Thu Hiền			CCCD/Citizen ID								KTT Vingroup/Chief Accountant Vingroup

III. DANH SÁCH CÁC BÊN LIÊN QUAN KHÁC CỦA CÔNG TY ME/LIST OF OTHER RELATED PARTIES

1	Công ty cổ phần Sàn Giao dịch Bất động sản thành phố Hoàng Cầu/ Royal City Real Estate Exchange Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
2	Công ty Cổ phần Vinhomes/Vinhomes Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Xavivico/Xavivico Land Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
4	Công ty TNHH Xavivico/Xavivico LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
5	Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam/Vietnam Exhibition Fair Center Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
6	Công ty TNHH Metropolis Hà Nội/Metropolis Hanoi LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
7	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sinh Thái/Ecoley Development and Investment Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
8	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị Gia Lào/Gia Lam Urban Development and Investment Company Limited			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
9	Công ty CP Tư vấn đầu tư và Đầu tư Việt Nam/Vietnam Investment And Consulting Investment Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business regist. ion certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties

Handwritten signature

SET No.	Tên tổ chức/tổ nhân Name of organization/individual	Tài khoản pho dịch chứng khán (tên cổ) Securities trading account (current)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Loại Giấy CNSH Type of Identification Document	Số Giấy CNSH Identification Document Number	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Head office address/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Date of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan Date of no longer being a related person	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với Công ty/ Relationship with the Company
10	Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Long/Thang Long Real Estate Trading Investment Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
11	Công ty Cổ phần Vinpearl/Vinpearl Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
12	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinnec/Vinnec International General Hospital Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
13	Công ty cổ phần Vinschool/VinSchool Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
14	Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo VinAcademy/ VinAcademy Education and Training LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
15	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Vincom Vincom Security Service Company Limited			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
16	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinFast/VinFast Commercial and Services Trading LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
17	Công ty cổ phần VinaS/VinS3 Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
18	Công ty cổ phần Nghiên cứu và Sản xuất Vinsmart/Vinsmart Research and Manufacture Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
19	Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Phát triển Thiện Nhân Kỳ/Alhithuman Trading Investment and Development LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
20	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thái Sơn Thái Son Investment Construction Corporation			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
21	Công ty TNHH Kinh doanh và Thương mại Dịch vụ VINPRO/ Vinpro Business and Trading Services LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (current)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Loại Giấy CNSH Type of Identification Document	Số Giấy CNSH Identification Document Number	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Head office address/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Date of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan Date of no longer being a related person	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với Công ty/ Relationship with the Company
22	Công ty Cổ phần Dữ liệu Đại học Quốc tế Berjaya Việt Nam/Berjaya Vietnam International University Town Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty/me/other related parties
23	Công ty TNHH Trung tâm tài chính Việt Nam Berjaya/Berjaya Vietnam Financial Center LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty/me/other related parties
24	Công ty cổ phần Phát triển GS-CU CHICS-CU CHI Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty/me/other related parties
25	Công ty Cổ phần Dịch vụ An ninh mạng VINCSS/Vinass Internet Security Services Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty/me/other related parties
26	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Phúc An/Phuc An Travel Development and Investment Limited Liability Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty/me/other related parties
27	Công ty Cổ phần VINSOC Vinsoec Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty/me/other related parties
28	Công ty cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Vinhome/Vinhome Industrial Zone Investment Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty/me/other related parties
29	Công ty cổ phần giải pháp và Dịch vụ Công nghệ VANTIX/Vanis Technology Solutions and Services Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty/me/other related parties
30	Công ty cổ phần Vingroup Investment Việt Nam/Vingroup Investment Viet Nam Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty/me/other related parties
31	Công ty TNHH Dịch vụ vận tải sinh thái Vinhu/Vinhua Ecology Transport Services LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty/me/other related parties
32	Công ty cổ phần Phát triển Thành phố Xanh/Green City Development Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty/me/other related parties
33	Công ty cổ phần Delta/Delta Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty/me/other related parties

08/

STT No.	Tên tổ chức cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (current)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Loại Giấy CNSH Type of Identification Document	Số Giấy CNSH Identification Document Number	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Head office address/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Date of becoming a related person	Thời điểm hàng còn là người có liên quan Date of no longer being a related person	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với Công ty/ Relationship with the Company
34	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINCONS/Vincons Construction Development and Investment JSC			Giấy CN BKDN/Business regist' -don certificate Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
35	Công ty Cổ phần VinSmart Future/VinSmart Future Joint Stock company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
36	Công ty CP Kinh doanh và Phát triển Sinh Thảo/Seology Development and Trading JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
37	Công ty cổ phần Dầu tư Kinh doanh VMC Holding/VMC Holding, Business and Investment JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
38	Công ty cổ phần Dầu tư Bảo Lai/Bao Lai Investment Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
39	Công ty TNHH Một Thành viên Đá Trắng Bảo Lai/Bao Lai White Stone One Member Company Limited			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
40	Công ty Cổ phần Đá Chân Thạch Độc Thăng/Doc Thang Marble Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
41	Công ty TNHH Đá Chân Thạch An Phú/An Phu White Marble Company Limited			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
42	Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác khoáng sản Bảo Lai Lạc Yau/Bao Lai Lac Yen Mineral Exploitation One Member LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
43	Công ty CP Khoáng sản Phan Thanh/Phan Thanh Mineral Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
44	Công ty cổ phần Dầu tư Vạn Khoa/Van Khoa Investment JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
45	Công ty TNHH Bảo Lai Green/Bao Lai Green LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
46	Công ty cổ phần Giải pháp Năng lượng VinsEs Ha Tinh/VinsEs Ha Tinh Energy Solutions JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
47	Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Trí tuệ Nhân tạo VinaAI/VinaAI Artificial Intelligence Application and Research JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties

16

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (current)	Chức vụ (ta công ty nếu có) Position at the company (if any)	Loại Giấy CNSH Type of Identif. -ation Document	Số Giấy CNSH Identification Document Number	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Head office address/contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Date of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan Date of no longer being a related person	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với Công ty/ Relationship with the Company
48	Công ty TNHH World Academy/World Academy LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
49	Công ty Cổ phần Thương mại và đầu tư Sơn Thái/Son Thai Investment and Trading JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
50	Công ty cổ phần đầu tư Phát triển VS/VIS Investment JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
51	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khách sạn Thành Hòa/Thành Hoa Hotel Investment and Development Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
52	Công ty Cổ phần Vinwonders Nha Trang/ Vinwonders Nha Trang Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
53	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khách sạn Landmark 81/Landmark 81 Hotel Investment and Development Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
54	Công ty cổ phần Đầu tư y học Công nghệ cao Vinmedtech/Vinmedtech High - Tech Medical Investment JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
55	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Xây Dựng Vincos Windows/Vincos Windows Construction Development JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
56	CÔNG TY CỔ PHẦN MÚI CAM RANH/Cam Ranh Sait Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
57	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HIỆP THÀNH CONGHIEP THANH Cong Investment JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
58	Công ty cổ phần Du lịch Cà Tầu/Ca Tầu Tourism Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
59	Công ty CP Đầu tư Phát triển BĐS Trung Thành/ Trung Thành Real Estate Development Investment JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (current)	Chức vụ (tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Loại Giấy CNSH Type of Identification Document	Số Giấy CNSH Identification Document Number	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Head office address/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Date of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan Date of no longer being a related person	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với Công ty/ Relationship with the Company
60	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Newland/ Newland Development Investment JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
61	Công ty cổ phần Bất động sản SV Tây Hà Nội 2SV Tây Hà Nội Real Estate Business Development JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
62	CÔNG TY CỔ PHẦN VINPEARL C/O A HOI/VINPEARL DOOR ASSOCIATION JOINT STOCK COMPANY			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
63	Công ty TNHH Phát triển Bất động sản TPX Holding/TPX Holding Real Estate Development LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
64	Công ty TNHH Phát triển Bất động sản TS Holding/TS Holding Real Estate Development LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
65	Công ty TNHH Thương Mại và Phát triển Kinh doanh Sao Mai/Sao Mai Trading and Business Development LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
66	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAM KANH/Cam Khanh Investment JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
67	Công ty cổ phần Giải pháp năng lượng VinEG/VinEG Energy Solutions JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
68	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN VINH XANH I/VINH XANH I REAL ESTATE DEVELOPMENT LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
69	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN VINH XANH 2/VINH XANH 2 REAL ESTATE DEVELOPMENT LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
70	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP VINHOMES HÀ TĨNH/Vinhomes Hà Tĩnh Industrial Zone Investment Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
71	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP VINHOMES HÀI PHÒNG/Vinhomes Hai Phong Industrial Zone Investment Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
72	CÔNG TY CỔ PHẦN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG NGƯỜI MÁY VINROBOTICS/VINROBOTICS ROBOT APPLICATION AND RESEARCH DEVELOPMENT			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giáo dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (current)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Loại Giấy CNSH Type of Identification Document	Số Giấy CNSH Identification Document Number	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Head office address/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Date of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan Date of no longer being a related person	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với Công ty/ Relationship with the Company
73	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VINFAST/ VINFAST DEVELOPMENT AND INVESTMENT JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
74	CÔNG TY CỔ PHẦN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG NGƯỜI MÁY ĐÀ NẴNG VINMOTION			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
75	CÔNG TY CỔ PHẦN VINCARGO/ VINCARGO JOINT STOCK COMPANY			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
76	CÔNG TY TNHH NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN EDUCORE/Educare Research and Advisory Company Limited			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
77	CÔNG TY CỔ PHẦN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG ROBOT HÌNH NGƯỜI VINDYNAMICS/VINDYNAMICS JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
78	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VINMETAL/VINMETAL JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
79	CÔNG TY CỔ PHẦN VIN NEW HORIZON/ VIN NEW HORIZON JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
80	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP NĂNG LƯỢNG VINES/VINES ENERGY SOLUTIONS JOINT STOCK COMPANY			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
81	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN BẬT ĐỘNG SÀN HƯỚNG DẪNG			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
82	Công ty TNHH Sản xuất Pin Lithium Vinfast (V/LBP)			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
83	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VINMETAL HÀ TĨNH/VINMETAL HÀ TĨNH JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties

28/

STT No.	Tên tổ chức/nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (current)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Loại Giấy CNSH Type of Identification Document	Số Giấy CNSH Identification Document Number	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Head office address/contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Date of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan Date of no longer being a related person	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với Công ty/ Relationship with the Company
84	CÔNG TY CỔ PHẦN VINSURGICAL			Giấy CN ĐKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
85	CÔNG TY CỔ PHẦN VINFAST VIỆT NAM/ VINFAST VIỆT NAM JSC			Giấy CN ĐKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
86	Công ty TNHH Nghiên cứu Giáo dục EduCore			Giấy CN ĐKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
87	Công ty TNHH Nham Trang Cãi			Giấy CN ĐKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
88	Công ty cổ phần Phát triển điện ảnh V-Film/V- Film JSC			Giấy CN ĐKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
89	Công ty cổ phần Phát triển Tài năng Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam V-Culture Talents/ V- Culture Talents JSC			Giấy CN ĐKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
90	Công ty cổ phần tổ chức sự kiện toàn cầu VinLive/VinLive JSC			Giấy CN ĐKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
91	Công ty cổ phần VinStudio/VinStudio JSC			Giấy CN ĐKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
92	Công ty CP Tập đoàn Bình tư Việt Nam/Vietnam Investment Group Joint Stock Company (VIG)			Giấy CN ĐKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
93	Công ty Cổ phần Quỹ Giải thưởng VinFuture/VinFuture Prize Foundation JSC			Giấy CN ĐKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
94	Công ty Cổ phần Phát triển Trạm sạc Toàn cầu V- Green/V-Green Global Charging Stations Development JSC			Giấy CN ĐKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giới dịch chứng khẩu (nếu có) Securities trading account (current)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Loại Giấy CNSH Type of Identification Document	Số Giấy CNSH Identification Document Number	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Head office address/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Date of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan Date of no longer being a related person	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với Công ty/ Relationship with the Company
95	Công ty cổ phần Quản lý và Đầu tư Bất động sản VAB/VAB Real Estate Investment and Management JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
96	Công ty cổ phần Quỹ Đầu tư Mạo hiểm Van Ventures/Vanventures Venture Investment Fund JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
97	Công ty cổ phần Vinspace/ Vinspace JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
98	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đường sắt cao tốc Vinspeed/Vinspeed High-Speed Railway Investment and Development Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
99	Công ty cổ phần Di chuyển xanh và Thông minh GSM/GSM Green and Smart Mobility JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
100	Công ty cổ phần GSM VN Holding/GSM VN Holding JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
101	Công ty cổ phần Năng lượng VinEnergy/VinEnergy JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
102	Công ty cổ phần VinEnergy Holding/VinEnergy Holding JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
103	Công ty cổ phần Đầu tư Giải pháp Năng lượng VinEnergy I/VinEnergy I Energy Solution Investment JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
104	Công ty TNHH VinEnergy Hòa Trâu/ Hòa Trâu VinEnergy LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (current)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Loại Giấy CNSH Type of Identification Document	Số Giấy CNSH Identification Document Number	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Head office address/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Date of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan Date of no longer being a related person	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với Công Ty/ Relationship with the Company
105	Công ty TNHH VinEnergy Vinh Thuận/Vinh Thuận VinEnergy LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
106	Công ty TNHH VinEnergy Điện Biên 1 /Điện Biên 1 VinEnergy LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
107	Công ty TNHH VinEnergy Bàn Chát 1/Ban Chát 1 VinEnergy LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
108	Công ty TNHH VinEnergy Bàn Chát 2/Ban Chát 2 VinEnergy LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
109	Công ty TNHH VinEnergy Kỳ Anh/ Kỳ Anh VinEnergy LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
110	Công ty TNHH VinEnergy Ecowind Kỳ Anh/ Kỳ Anh Ecowind VinEnergy LLC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
111	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đông/Saibong Urban Development & Investment Joint Stock Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
112	Công ty TNHH Phát triển Công viên Trung tâm/Central Park Development Limited Liability Company			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
113	Công ty cổ phần Vincom Retail/Vincom Retail JSC			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
114	Viện nghiên cứu miễn dịch Vinnec - VinUni/Vinnec-Vinnui Institute of Immunology			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
115	Viện nghiên cứu Tê bào gốc và công nghệ gen Vinnec/Vinnec Research Institute of Stem Cell and Gene Technology			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
116	Viện nghiên cứu đa bào VinBigData Institute			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
117	Trường Đại học VinUni/VinUniversity			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties

28/

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giáo dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (current)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Loại Giấy CNSH Type of Identification Document	Số Giấy CNSH Identification Document Number	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Head office address/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Date of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan Date of no longer being a related person	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với Công ty/ Relationship with the Company
118	Quỹ Thiện Tâm/Kind heart Foundation			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
119	Trung Tâm Tư Thiện và Hướng nghiệp Phật Tích			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
120	VinFast Engineering Australia			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
121	VinFast Germany GmbH			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
122	VinFast USA Distribution			Giấy CN BKDN/Car's license registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
123	VinFast Auto Canada Inc			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
124	VinFast France			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
125	VinFast Auto Ltd.			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
126	VinFast Manufacturing US, LLC			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
127	VinFast Auto, LLC			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
128	VinFast Netherlands B.V			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
129	PT VinFast Automobile Indonesia			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
130	VinFast Auto (Thailand) Co., Ltd.			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
131	VinFast UK Ltd.			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
132	VinFast Auto India Private Limited			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
133	Công ty VinFast Middle East FZE			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
134	VinFast Kazakhstan LLP			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khốn (nếu có) Securities trading account (current)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Loại Giấy CNSH Type of Identification Document	Số Giấy CNSH Identification Document Number	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Head office address/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Date of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan Date of no longer being a related person	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với Công ty/ Relationship with the Company
135	VinFast Auto Philippines Corp			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
136	VinFast Auto Mexico, S. DE R.L. DE C.V.			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
137	PT VinFast Trading Indonesia			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
138	Vingroup USA, LLC			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
139	Vingroup Investment Pte, Ltd			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
140	Vingroup Global Pte, Ltd			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
141	Vingpearl Australia PTY LTD			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
142	Cape Weicham Golf Links PTY			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
143	Vinsmart Trading and Investment			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
144	Vingroup Holding Tech Holdings Inc. (tên cũ: Vimotion USA, INC)			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
145	VinDynamics USA INC.			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
146	VIN MINING DRC S.A.R.L.U			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
147	Vingroup DRC Holding S.A.R.L.U			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
148	PT Future Mobility Indonesia			Ministry - IT Law and Human Rights Approval/Receipt Notification								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
149	V-Green Charging Station Development India Private limited			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
150	PT XanISM Green and Smart Mobility Indonesia			Ministry of Law and Human Rights Approval/Receipt Notification								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties
151	PT Green Future Rental Services and Trading			Ministry of Law and Human Rights Approval/Receipt Notification								Bên liên quan khác của công ty mẹ/other related parties

STT No.	Tên tổ chức cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (current)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Loại Giấy CNSH Type of Identification Document	Số Giấy CNSH Identification Document Number	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Head office address/contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Date of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan Date of no longer being a related person	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với Công ty/ Relationship with the Company
152	Green and Smart Mobility Philippines Inc			N/A								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
153	XanSM Co., Ltd			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
154	Smart & Green Trans Limited			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
155	Green SM India Private Limited			N/A								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
156	Green and Smart Mobility Kazakhstan			Resolution on establishment								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
157	Green and Smart Mobility Technologies Kazakhstan			N/A								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
158	Green and Smart Mobility Netherlands B.V.			N/A								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
159	Green SM Sweden AB			N/A								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
160	Green Future USA INC			N/A								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
161	Green and Smart Mobility Norway AS			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
162	Green SM Denmark A/S			Giấy CN BKDN/Business registration certificate								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
163	PT Vgreen Global Charging Station Investment Indonesia			Business Identification Number (NIB)								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
164	PT Vgreen Charging Station Development Indonesia (Inactive)			Business Identification Number (NIB)								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
165	V-Green Charging Station Development Philippines, INC			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
166	Vgreen Charging Station Development India Private Limited			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
167	VanEnergio Philippines Inc.			Giấy chứng nhận BKDN/Certificate of Incorporation								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
168	G-Energo Limited			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties
169	Asian Star Trading & Investment Pte. Ltd			Quyết định/Decision								Bên liên quan khác của công ty me/other related parties

PHỤ LỤC 2 – DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
APPENDIX 2 – LIST OF INSIDERS AND RELATED PERSONS OF INSIDERS
(đính kèm Báo cáo quản trị 6 tháng đầu năm 2026)
(Attached is the Management Report for the first six months of 2026)

Stt No.	Họ tên/Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position at the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ/Relationship with the company/insider	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Hộ chiếu/Passport/Cấy ĐKND) Type of NSH Certificate (*) (ID Card/ Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH Certificate No. (*)	Ngày cấp/Date of issue	Nơi cấp/Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/Percentage of shares owned at the end of the period	Ghi chú
1	3	4	5	6	7					12	13	17
1	Lê Thăng Long Le Thanh Long		Chủ tịch HĐQT/ Chairman of the BOD		CCCD/Citizen ID					0	0	
2	Lê Khắc Xương Le Khắc Xương			Bà mẹ/Biological Mother	CCCD/Citizen ID					0	0	
3	Nguyễn Thị Minh Châu Nguyễn Thị Minh Châu			Mẹ mẹ/Biological Mother	CCCD/Citizen ID					0	0	
4	Nguyễn Việt Hải Nguyễn Việt Hải			Bà mẹ/Father-in-law	CCCD/Citizen ID					0	0	
5	Hoàng Thị Minh An Hoàng Thị Minh An			Mẹ mẹ/Brother-in-law	CCCD/Citizen ID					0	0	
6	Nguyễn Thị Phú Yến Nguyễn Thị Phú Yến			Vợ/Wife	CCCD/Citizen ID					0	0	
7	Lê Văn Khanh Le Văn Khanh			Con đẻ/Biological Child	CCCD/Citizen ID					0	0	
8	Lê Đan Quỳnh Le Đan Quỳnh			Con đẻ/Biological Child	CCCD/Citizen ID					0	0	
9	Lê Thu Hương Le Thu Hương			Chị gái/Older Sister	CCCD/Citizen ID					0	0	

10	Nguyễn Minh Hiền Nguyễn Minh Hiền		Ảnh rể Brother-in-law	CCCD/Citizen ID						0	0	
11	Công ty cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam Vietnam Exhibition Fair Center JSC		Tổ chức có liên quan của người nội bộ Related party (being organization) of Insider	Giấy CN BKDN/Certificate of Enterprise Registration						0	0	TV HĐQT/ Member of BOD
12	Tập đoàn Vingroup – Công ty CP Vingroup Group - JSC		Tổ chức có liên quan của người nội bộ Related party (being organization) of Insider	Giấy CN BKDN/Certificate of Enterprise Registration				44.364.274	65.33			Người đại diện theo ủy quyền/Authorized representative
13	Công ty cổ phần in sách Việt Nam/Vietnam Book Printing Joint Stock Company		Tổ chức có liên quan của người nội bộ Related party (being organization) of Insider	Giấy CN BKDN/Certificate of Enterprise Registration				-	0			TV HĐQT/ Member of BOD
14	Nguyễn Trọng Tuấn Nguyễn Trọng Tuấn	TV HĐQT, Phó TGĐ/Member of the Board of Directors cum Deputy General Director		CCCD/Citizen ID						3,700	0.005	
15	Nguyễn Phương Nga Nguyễn Phương Nga		Con đẻ/Biological Child	CCCD/Citizen ID						0	0	
16	Nguyễn Phương Linh Nguyễn Phương Linh		Con đẻ/Biological Child	CCCD/Citizen ID						0	0	
17	Nguyễn Trọng Cường		Ảnh trai/Older Brother	CCCD/Citizen ID						0	0	
18	Phạm Nguyệt Yên Phạm Nguyệt Yên		Chị dâu/Sister-in-law	CCCD/Citizen ID						0	0	
19	Nguyễn Thị Thanh Nguyễn Thị Thanh		Chị gái/Older Sister	CMND/OLD ID						0	0	China ID CCCD/Citizen ID not yet issued
20	Nguyễn Trọng Minh Nguyễn Trọng Minh		Ảnh trai/Older Brother	CCCD/Citizen ID						0	0	
21	Quách Thị Nga Quách Thị Nga		Chị dâu/Sister-in-law	CCCD/Citizen ID						0	0	
22	Nguyễn Trọng Nghĩa Nguyễn Trọng Nghĩa		Em trai/Younger Brother	CCCD/Citizen ID						0	0	
23	Tổng Công Ty Đầu Tư và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước (SCIC)		Tổ chức có liên quan của người nội bộ Related party (being organization) of Insider	Quyết định						6,790,996	10.00	Người đại diện theo ủy quyền/Authorized representative

24	Trần Thanh Mai Tran Thanh Mai	Thành viên HDQT/Member of the BOD		CCCD/Citizen ID					0	0	
25	Đỗ Thu Cúc Do Thu Cuc	Mẹ đẻ/Biological Mother		CCCD/Citizen ID					0	0	
26	Đặng Vũ Hoàn Dang Vu Huan	Chồng/Husband		CCCD/Citizen ID					0	0	
27	Đặng Vũ Thụy Linh Dang Vu Thuy Linh	Con đẻ/Biological Child		CCCD/Citizen ID					0	0	
28	Ngô Anh Tuấn Ngo Anh Tuan	Con rể/Son-in-law		CCCD/Citizen ID					0	0	
29	Đông Vũ Hoàng Anh Dong Vu Hoang Anh	Con đẻ/Biological Child		CCCD/Citizen ID					0	0	
30	Trần Khánh Hòa Tran Khanh Hoa	Chị gái/Older Sister		CMND/CM ID					0	0	
31	Trần Thanh Tâm Tran Thanh Tam	Em gái/Younger Sister		CCCD/Citizen ID					0	0	
32	Lê Mạnh Thắng Le Manh Thang	Em rể/Brother-in-law		CCCD/Citizen ID					0	0	
33	Công ty cổ phần Sàn giao dịch Bất động sản Thành phố Hoàng Gia/Royal City Real Estate Exchange Joint Stock Company	Tổ chức có liên quan của người nội bộ/Related party (being organization) of Insider		Giấy CN ĐKDN/Certificate of Enterprise Registration					0	0	TB KS/Head of SB
34	Công ty Cổ phần VinSmart Future/JinSmart Future JSC	Tổ chức có liên quan của người nội bộ/Related party (being organization) of Insider		Giấy CN ĐKDN/Certificate of Enterprise Registration					0	0	T/ HDQT/Member of BOD
35	Vũ Quýet Thắng Vu Quyet Thang	Thành viên HDQT/Member of the BOD		CCCD/Citizen ID					0	0	
36	Trình Thu Hồng Trinh Thu Hong	Mẹ đẻ/Biological Mother		CCCD/Citizen ID					0	0	
37	Phan Thùy Anh Phan Thuy Anh	Vợ/Mô		CCCD/Citizen ID					0	0	
38	Vũ Châu Anh Vu Chau Anh	Con đẻ/Biological Child		CCCD/Citizen ID					0	0	

39	Vũ Hà Phan Vu Ha Phan			Con đẻ/Biological Child	CCCD/Citizen ID						0	0		
40	Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Đầu tư Việt Nam/Vietnam Investment and Investment Consulting JSC			Tổ chức có liên quan của người nội bộ/Related party (being organization) of Insider	Giấy CN EKDNC/Certificate of Enterprise Registration						0	0		
41	Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Long Thăng Long Real Estate Investment and Business JSC			Tổ chức có liên quan của người nội bộ/Related party (being organization) of Insider	Giấy CN EKDNC/Certificate of Enterprise Registration						0	0		
42	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị Gia Lâm/Gia Lam Urban Development and Investment Co., Ltd.			Tổ chức có liên quan của người nội bộ/Related party (being organization) of Insider	Giấy CN EKDNC/Certificate of Enterprise Registration						0	0		
43	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thái Sơn/Thai Son Construction Investment JSC			Tổ chức có liên quan của người nội bộ/Related party (being organization) of Insider	Giấy CN EKDNC/Certificate of Enterprise Registration						0	0		
44	Công ty cổ phần Đô thị Đại học Quốc tế Berjaya Việt Nam/Berjaya Vietnam International University Township JSC			Tổ chức có liên quan của người nội bộ/Related party (being organization) of Insider	Giấy CN EKDNC/Certificate of Enterprise Registration						0	0		
45	Trần Lê Phương Tran Le Phuong		TV HĐQT kiêm TCB/Member of the BOD cum General Director		CCCD/Citizen ID						0	0		
46	Trần Vĩnh Bảo Tran Vinh Bao			Bố đẻ/Biological Father	CCCD/Citizen ID						0	0		
47	Lê Thị Thảo Le Thi Thao			Mẹ đẻ/Biological Mother	CCCD/Citizen ID						0	0		
48	Nguyễn Thị Giang Nguyen Thi Giang			Vợ/Bffle	CCCD/Citizen ID						0	0		

88/

49	Trần Diệu Ngân Tran Dieu Ngan			Con de Biological Child	Chưa có/Not yet					0	0	
50	Trần Ngọc Thành Tran Ngoc Thanh			Con de Biological Child	Chưa có/Not yet					0	0	
51	Trần Lê Huy Tran Le Huy			Em ruột/Younger Brother	Hồ chiếu/Passport					0	0	
52	Trần Thị Hải Quỳnh Tran Thi Hai Quynh			Em dâ Sister-in-law	Hồ chiếu/Passport					0	0	
53	Công ty cổ phần Sản giao dịch Bất động sản Thành phố Hoàng Chi/Royal City Real Estate Exchange Joint Stock Company			Tổ chức có liên quan của người nội bộ/Related party (being organization) of Insider	Giấy CN EKD/Certificate of Enterprise Registration					0	0	TV HĐQT kiêm VCS/Member of the Board of Directors cum General Director
54	Công ty cổ phần Trung tâm Hội chợ triển lãm Việt Nam/Vietnam Exhibition Fair Center JSC			Tổ chức có liên quan của người nội bộ/Related party (being organization) of Insider	Giấy CN EKD/Certificate of Enterprise Registration					0	0	Chủ tịch HĐQT/Chairman of BOD
55	Công ty cổ phần Giống Vật nuôi Hà Nội/Hanoi Livestock Breeds JSC			Tổ chức có liên quan của người nội bộ/Related party (being organization) of Insider	Giấy CN EKD/Certificate of Enterprise Registration					0	0	TV HĐQT/Member of BOD
56	Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Đầu tư Việt Nam/Vietnam Investment and Investment Consulting JSC			Tổ chức có liên quan của người nội bộ/Related party (being organization) of Insider	Tổ chức có liên quan của người nội bộ/Related party (being organization) of Insider					0	0	TV HĐQT/Member of BOD
57	Công ty cổ phần Vincom Retail/Vincom Retail JSC			Tổ chức có liên quan của người nội bộ/Related party (being organization) of Insider	Tổ chức có liên quan của người nội bộ/Related party (being organization) of Insider					0	0	Chủ tịch HĐQT/Chairman of BOD
58	Nguyễn Hồng Mai Nguyen Hong Mai	Trưởng Ban Kiểm soát/Head of the Supervisory Board			CCCD/Citizen ID					0	0	

59	Bà Thị Kim Dung Do Thị Kim Dung		Mẹ đẻ/Biological Mother	CCCD/Citizen ID						0	0	
60	Nguyễn Hữu Đức Nguyễn Hữu Đức		Bố chồng/Father-in-law	CCCD/Citizen ID						0	0	
61	Lê Thị Lập Lê Thị Lập		Mẹ chồng/Mother-in-law	CCCD/Citizen ID						0	0	
62	Nguyễn Đức Long Nguyễn Đức Long		Chồng/Husband	CCCD/Citizen ID						0	0	
63	Nguyễn Hoàng Yên Nguyễn Hoàng Yên		Con đẻ/Biological Child	N/A						0	0	
64	Nguyễn Hoàng Mỹ Nguyễn Hoàng Mỹ		Con đẻ/Biological Child	N/A						0	0	
65	Nguyễn Minh Đức Nguyễn Minh Đức		Em trai/Younger Brother	CCCD/Citizen ID						0	0	
66	Tập đoàn Vingroup – Công ty CP/Vingroup Group - JSC		TV BKSMember of SB	Giấy CN DKDN/Certificate of Enterprise Registration						44,364,274	65.33	
67	Công ty cổ phần Nghiên cứu và Sản xuất Vinamar/Vinamar Research and Production JSC		TV BKSMember of SB	Giấy CN DKDN/Certificate of Enterprise Registration						0	0	
68	Nguyễn Thị Thu Thủy Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên BKSMember of the Supervisory Board		CCCD/Citizen ID						0	0	Đã miễn nhiệm ngày 27/05/2026 do hết nhiệm kỳ
69	Nguyễn Thị Lan Anh Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên BKSMember of the Supervisory Board		CCCD/Citizen ID						3,100	0.005	
70	Vân Thị Hải Hà	Thành viên Ban Kiểm soát		CCCD/Citizen ID						0	0	Đã miễn nhiệm ngày 27/05/2026 do hết nhiệm kỳ

71	Vân Trung Trắc			Bố đẻ/Biological Father	CCCD/Citizen ID							0	0	
72	Nguyễn Thị Hằng			Mẹ đẻ/Biological Mother	CCCD/Citizen ID							0	0	
73	Vân Thị Minh Hiền			Chị gái	CCCD/Citizen ID							0	0	
74	Vân Thị Hồng Hải			Chị gái	CCCD/Citizen ID							0	0	
75	Nguyễn Mạnh Kiên		Thành viên Ban Kiểm soát		CCCD/Citizen ID							0	0	Bầu nhiệm kỳ 2026 - 2031 vào ngày 27/05/2026
76	Nguyễn Mạnh Dũng			Bố đẻ/Biological Father	CCCD/Citizen ID							0	0	
77	Khuyết Thị Hồng Nhâm			Mẹ đẻ/Biological Mother	CCCD/Citizen ID							0	0	
78	Lê Đức Cường			Bố vợ/Father-in-law	CCCD/Citizen ID							0	0	
79	Hồ Xuân Dung			Mẹ vợ	CCCD/Citizen ID							0	0	
80	Lê Trúc Quỳnh			Vợ/Wife	CCCD/Citizen ID							0	0	
81	Nguyễn Mạnh Nhật Minh			Con đẻ/Biological Child	CCCD/Citizen ID							0	0	
82	Nguyễn Thị Hồng Tiến			Chị ruột/Sister	CCCD/Citizen ID							0	0	
83	Vũ Hoàng Nam			Anh ruột/Brother	CCCD/Citizen ID							0	0	
84	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước/State Capital Investment Corporation (SCIC)			Tổ chức có liên quan của người nội bộ/Related party (being organization of insider)	Giấy CNĐKD/ Business Registration Certificate							6,790,996	10	SCIC đề cử vào vị trí thành viên Ban Kiểm soát/ Member of Supervisory Board nominated by SCIC

85	Đặng Xuân Anh <i>Đặng Xuân Anh</i>		Kế toán trưởng/Chief Accountant		CCCD/Citizen ID							0	0	
86	Lê Thị Thuần <i>Lê Thị Thuần</i>		<i>Ver Wife</i>		CCCD/Citizen ID							0	0	
87	Đặng Phương Thảo <i>Đặng Phương Thảo</i>		<i>Con de Biological Child</i>		CC ID Card							0	0	
88	Đặng Phương Linh <i>Đặng Phương Linh</i>		<i>Con de Biological Child</i>		Chưa có Noi xứ							0	0	
89	Đặng Thị Yến <i>Đặng Thị Yến</i>		<i>Còn gá Older Sister</i>		CCCD/Citizen ID							0	0	
90	Ngô Văn Dương <i>Ngô Văn Dương</i>		<i>Anh rể Brother-in-law</i>		CCCD/Citizen ID							0	0	
91	Đặng Văn Diễm <i>Đặng Văn Diễm</i>		<i>Em trai Younger Brother</i>		CCCD/Citizen ID							0	0	
92	Trần Thị Là <i>Trần Thị Là</i>		<i>Em dâu Sister-in-law</i>		CCCD/Citizen ID							0	0	
93	Phạm Thị Là <i>Phạm Thị Là</i>		Người phụ trách quản lý/Person in charge of administration		CCCD/Citizen ID							2.000	0.003	
94	Vũ Thị Mối <i>Vũ Thị Mối</i>		<i>Mẹ đẻ Biological Mother</i>		CCCD/Citizen ID							0	0	
95	Trần Trung Dũng <i>Trần Trung Dũng</i>		<i>Chàng Husband</i>		CCCD/Citizen ID							0	0	
96	Trần Hiền Trang <i>Trần Hiền Trang</i>		<i>Con đẻ Biological Child</i>		CCCD/Citizen ID							0	0	
97	Trần Phạm Gia Bảo <i>Trần Phạm Gia Bảo</i>		<i>Con đẻ Biological Child</i>		CCCD/Citizen ID							0	0	
98	Phạm Đức Trọng <i>Phạm Đức Trọng</i>		<i>Anh trai Older Brother</i>		CCCD/Citizen ID							0	0	
99	Nguyễn Thị Diệu <i>Nguyễn Thị Diệu</i>		<i>Chị dâu Sister-in-law</i>		CCCD/Citizen ID							0	0	
100	Phạm Đức Nhân <i>Phạm Đức Nhân</i>		<i>Anh trai Older Brother</i>		Hồ chiếu Passport							0	0	

101	Nguyễn Thị Yên Nguyễn Thị Yên			Chị dâu Sister-in-law	Hộ chiếu Passport						0	0	
102	Phạm Thị Len Phạm Thị Len			Chị gái Older Sister	CCCD/Citizen ID						0	0	
103	Đỗ Văn Lâm Đỗ Văn Lâm			Anh rể Brother-in-law	CCCD/Citizen ID						0	0	
104	Phạm Thị Sot Phạm Thị Sot			Chị gái Older Sister	CCCD/Citizen ID						0	0	
105	Phạm Văn Quang Phạm Văn Quang			Anh rể Brother-in-law	CCCD/Citizen ID						0	0	
106	Phạm Thị Lúa Phạm Thị Lúa			Chị gái Older Sister	CCCD/Citizen ID						0	0	
107	Nguyễn Văn Thúc Nguyễn Văn Thúc			Anh rể Brother-in-law	CCCD/Citizen ID						0	0	

9829

9829

25